TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1154/2017/HNGĐ - ST.
Ngày: 23/8/2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bá Hợp.

2. Ông Nguyễn Đức Sáu.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Điệp, Cán bộ Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Bá Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1548/2017/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1700/2017/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1957 ; Địa chỉ: đường T, Phường S, quận G, Tp. HCM. (*Có mặt)*.

*Bị đơn:*Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960 *;* Địa chỉ : đường T, Phường S, quận G, Tp. HCM. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày : Ông và bà N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1979 đến năm 1992 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay ghen tuông vô cớ và khi ông bị bệnh thì bà N sống cách ly ông trong sinh hoạt hằng ngày. Hai người đã ly thân từ bảy năm nay. Mâu thuẫn phát sinh đỉnh điểm là năm 2013 bà N cùng con gái mang theo quần áo, tư trang bỏ nhà ra đi. Nay, ông nộp đơn xin ly hôn với bà N. Về con chung : có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày

08/8/1980 đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt theo đúng quy định của pháp luật triệu tập bà N đến Tòa để làm việc, dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt nên không ghi được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N. Bà N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 và quy định về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện kết hôn với bà Nguyễn Thị N năm 1992 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân quận B,Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 40/ĐKKH ngày 29/02/1992. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh. Nay, ông Nguyễn Hoàng H có yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N, xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của Ông H cho thấy trong quá trình sống chung giữa ông và bà N không hòa hợp, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Điều này thể hiện năm 2015 bà N nộp đơn đến tòa xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện, đến tháng 3 năm 2017 ông H và bà N cùng nộp đơn đến Tòa xin được thuận tình ly hôn nhưng sau đó cũng rút yêu cầu. Kết quả sống chung là hai bên đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, bà N bỏ nhà đi và cũng bỏ mặc không đến tòa để hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[3] Về con chung: Ông H và bà N có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 08/8/1980 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử xét thấy không có gì để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung : Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án để giải quyết.

[5]Về án phí: Nguyên đơn, ông H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Hoàng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. (Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01/ĐKKH do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/02/1992 cho ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị N không còn giá trị).

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 08/8/1980 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2016/0018203 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Q B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bảo Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Bảo Thu

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do - hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 03/9/2014

Tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà

2/ Ông

Đã nghị án về vụ kiện tranh chấp: Ly hôn

Thụ lý số: 880/2013/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2013.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, nghe đương sự trình bày - tranh luận- và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thống nhất, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau đây:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 131, Điều 199, Điều 202, Điều 238, Điều 243, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Hồng

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Kim Hồng được ly hôn với ông Trần Hồng Ngự.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Kim Bảo – sinh ngày 18/7/2004 cho bà Huỳnh Thị Kim Hồng trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngự có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồng khai không có nên không xét

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2011/06995 ngày

01/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồng đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Hồng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại thuận đúng và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**